

Số: 50/2023/QĐST-HNGĐ

Yên Lập, ngày 19 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 182/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Đức T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu Quyết Tiến, thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu 8, xã Mỹ Lung, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Đức T và chị Đinh Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Đinh Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Lê Đức T, sinh ngày 31/10/2012 và Lê Phương M, sinh ngày 12/02/2015, kể từ khi ly hôn đến khi con đã thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Lê Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đinh Thị N (Do chị Đinh Thị N tự nguyện không yêu cầu). Anh Lê Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung; Chị Đinh Thị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Đức T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Về tài sản chung; công nợ và công sức: Anh Lê Đức T và chị Đinh Thị N đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí:

- Anh Lê Đức T phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp tại biên lai số AA/2020/0008576 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Anh Lê Đức T được trả lại số tiền 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Đinh Thị N vì chị Đinh Thị N là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Lập;
- Chi cục THADS huyện Yên Lập;
- UBND xã Mỹ Lung;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Bùi Xuân Trường